

Mỏ Cày Nam, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Số: 09/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn” giữa:

1/ *Nguyên đơn*: Anh **Trần Đ** - Sinh năm 1986

Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn H, huyện N, tỉnh L.

2/ *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị C** - Sinh năm 1980

Nơi cư trú: Ấp Ph, xã C, huyện M, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đ và chị Nguyễn Thị C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Anh Đ và chị C trình bày không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh Đ và chị C trình bày tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh Đ và chị C trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Trần Đ tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001676

ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến tre; hoàn trả cho anh Trần Đ số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b);
- UBND xã Ph ^(1b);
- VKSND huyện MCN ^(1b);
- Chi cục THADS H.MCN ^(1b);
- TAND tỉnh B ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b). TC:9b.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Thu Trang